

Bản án số: 43/2026/HS-ST
Ngày: 12/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA AN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú và Đặng Hoàng Ái Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị T**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 25/6/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Thôn A, xã C - L, thành phố H; căn cước công dân số 079193000449 cấp ngày 12/9/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết L (chết) và bà Lê Thị G; anh chị em ruột: có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; chồng: Nguyễn Văn Ú; con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh ngày 22/11/2023.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học văn hóa đến lớp 12/12 thì nghỉ học, ở nhà. Năm 2018, đăng ký kết hôn với anh Lê Văn Đ, sau đó ly hôn. Năm 2025, kết hôn với anh Nguyễn Văn Ú, bán cà phê tại địa phương cho đến ngày gây án.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/12/2025, đến ngày 24/12/2025 bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay, có mặt.

2. **Trần Đức D**; tên gọi khác: Cu em; sinh ngày 06/4/1992 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn A, xã C - L, thành phố H; căn cước công dân số 046092014913 cấp ngày 18/5/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Đ1 và bà Nguyễn Thị T1 (chết); anh chị em ruột: có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học văn hóa đến lớp 4/12 thì nghỉ học, ở nhà. Sau đó, sinh sống và làm việc tại địa phương cho đến ngày gây án.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2025 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Viết R, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã C - L, thành phố H, có mặt.

+ Ông Nguyễn N, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã C - L, thành phố H, có mặt.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị G, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn A, xã C - L, thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần ma túy để sử dụng và bán kiếm lời nên ngày 11/12/2025, Lê Thị T liên hệ một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực chợ H1, thành phố Đà Nẵng hỏi mua 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ma túy dạng đá. Sau khi mua được ma túy thì tối cùng ngày, T lấy một phần nhỏ trong gói tinh thể rắn màu trắng ra để sử dụng và chia tách ra từng gói ni lông nhỏ được khăn kín hai đầu để có ai hỏi mua thì bán kiếm lời.

Đến trưa ngày 18/12/2025, Trần Đức D sử dụng điện thoại cá nhân gọi điện qua mạng xã hội Zalo cho Lê Thị T để hỏi mua ma túy nhằm mục đích sử dụng cá nhân. D nói: “có ma túy không để cho năm trăm và trả nợ ba trăm ngàn tiền nợ cà phê”. T đồng ý và nói: “ma túy gói trong mảnh giấy màu trắng để trước cửa sắt nhà, đến đó lấy rồi đặt tiền vào trong cửa”. Sau khi thỏa thuận xong, D mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không có biển số của anh Nguyễn Viết R (xe này anh R giao cho ông Nguyễn N sử dụng) đi đến địa điểm đã thống nhất với T trước đó để mua ma túy.

Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, tại cà phê Mộc T2 (nhà ở của Lê Thị T) thuộc thôn A, xã C - L, thành phố H, T đã chuẩn bị sẵn gói ma túy dạng đá mà D đã đặt mua để tại cánh cửa sắt trước nhà. Khi D đến, thấy gói ma túy để tại cánh cửa sắt thì đi tới lấy và để lại số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) vào phía trong cửa sắt. Sau đó, T cất tiền vừa thu được, D cất giấu ma túy (vứt lại tờ giấy màu trắng bọc ma túy tại khu vực chợ L1), rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi D đang di chuyển trên đường đến đoạn phía trước nhà số G đường T, thôn H, xã C - L, thành phố H thì bị lực lượng của Đoàn Biên phòng L2 phát hiện, bắt quả tang. Qua lời khai của Trần Đức D, Đoàn Biên phòng L2 đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê

Thị T, thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại mà T đang cất giấu. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với T và D đều có kết quả dương tính, loại Methamphetamine. Trần Đức D khai nhận vào ngày 15/12/2025, D có mua ma túy dạng đá từ một người đàn ông (không rõ nhân thân, lại lịch) tại khu vực bến xe H, thành phố Đà Nẵng về nhà ở của mình để sử dụng. Vụ việc sau đó được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

* Vật chứng trong vụ án thu giữ gồm:

+ Thu giữ của Trần Đức D:

- 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng, được khấn kín hai đầu, kích thước (02 x 01cm), bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng.

- 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng, được khấn kín hai đầu, kích thước (03 x 01cm), bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng, số khung RLCS5C640 CY876086, số máy 5C64-876092, không có biển số (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu trắng, số EMEI1: 862794052592917, số EMEI2: 862794052592909, kèm sim số 0702712971 (đã qua sử dụng).

+ Thu giữ của Lê Thị T:

- 01 (một) gói ni lông màu trắng, viền màu đỏ, kích thước (15 x 9cm) bên trong chứa các chất tinh thể rắn màu trắng; 04 (bốn) đoạn ống nhựa màu trắng được khấn kín hai đầu, trong đó: 03 (ba) ống có kích thước (02x01cm) , 01 (một) ống có kích thước (04x01cm), bên trong đều chứa các chất tinh thể rắn màu trắng.

- 01 (một) bình thủy tinh hình trụ tròn (kích thước cao 12 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng bình 01 cm), phía trên miệng bình có 01 (một) ống thông được gắn với phễu thủy tinh hình cầu lỗ rộng 0,5 cm; phía cạnh bình có một ống gắn với ống nhựa hình trụ tròn dài 14 cm. .

- 01 (một) ống hình trụ tròn cao 08 cm, phía bên có gắn 01 (một) ống thông dài 1,2 cm, đường kính đáy 2,5 cm đầu dẹt.

- 03 (ba) phễu thủy tinh hình trụ tròn (chưa sử dụng) được đựng trong ba túi ni lông màu trắng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8, màu trắng, số EMEI: 356700083579487, kèm sim số 0787774129 (đã qua sử dụng).

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền: 1.190.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng).

* Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Nguyễn Viết R: 01 (một) xe máy nhãn

hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng, số khung RLCS5C640 CY876086, số máy 5C64-876092, không có biển số (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

* Tại Bản Kết luận giám định số 984/KL-KTHS ngày 20/12/2025 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận:

1. Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong 02 (hai) ống nhựa thu giữ của Trần Đức D gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng là 0,2417g (không phẩy hai bốn một bảy gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

2. Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói ni lông màu trắng, viên màu đỏ thu giữ của Lê Thị T gửi giám định (nêu tại mục 1.2.1, phần II) có khối lượng là 1,6253g (một phẩy sáu hai năm ba gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

3. Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong 04 (bốn) đoạn ống nhựa màu trắng thu giữ của Lê Thị T gửi giám định (nêu tại mục 1.2.2, phần II) có tổng khối lượng là 0,5820g (không phẩy năm tám hai không gam), là ma túy loại Methamphetamine.

H lại đối tượng giám định gồm:

+ 0,1417g (Không phẩy một bốn một bảy gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.1, phần II);

+ 1,5253g (Một phẩy năm hai năm ba gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.2.1, phần II);

+ 0,4820g (Không phẩy bốn tám hai không gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.2.2, phần II);

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSKV4 ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Đức D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Lê Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 để xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Bị cáo Trần Đức D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 để xử phạt bị cáo Trần Đức D từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với xe 01 (một) xe máy của anh Nguyễn R nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng, số khung RLCS5C640 CY876086, số máy 5C64-876092, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã hoàn lại đối tượng giám định và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định gồm: + 0,1417g (Không thấy một bốn một bảy gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.1, phần II);

+ 1,5253g (Một thấy năm hai năm ba gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.2.1, phần II);

+ 0,4820g (Không thấy bốn tám hai không gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.2.2, phần II);

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) bình thủy tinh hình trụ tròn (kích thước cao 12 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng bình 01 cm), phía trên miệng bình có 01 (một) ống thông được gắn với phễu thủy tinh hình cầu lỗ rộng 0,5 cm; phía cạnh bình có một ống gắn với ống nhựa hình trụ tròn dài 14 cm.

+ 01 (một) ống hình trụ tròn cao 08 cm, phía bên có gắn 01 (một) ống thông dài 1,2 cm, đường kính đáy 2,5 cm đầu dẹt.

+ 03 (ba) phễu thủy tinh hình trụ tròn (chưa sử dụng) được đựng trong ba túi ni lông màu trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8, màu trắng, số EMEI: 356700083579487, kèm sim số 0787774129 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng của bị cáo Lê Thị T do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị T số tiền 690.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu trắng, số EMEI1: 862794052592917, số EMEI2: 862794052592909, kèm sim số 0702712971 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Đức D1 đề nghị Hội đồng xem xét trả lại cho bị cáo D1.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Lê Thị T và Trần Đức D thấy rằng: Vào trưa ngày 18/12/2025, tại quán C1, thôn A, xã C - L, thành phố H; Lê Thị T đã bán trái phép 0,2417g (không phải hai bốn một bảy gam) ma túy, loại Methamphetamine cho Trần Đức D với số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra, T còn tàng trữ 2,2073g (hai phẩy hai không bảy ba gam) ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán kiếm lời. Tổng khối lượng chất ma túy mà Lê Thị T đã bán trái phép và tàng trữ nhằm mục đích bán cho người khác để thu lợi bất chính là 2,449g (hai phẩy bốn bốn chín gam) Methamphetamine.

Vào khoảng 12 giờ 05 phút ngày 18/12/2025, tại trước số nhà G đường T, xã C - L, thành phố H; Trần Đức D đang tàng trữ trái phép 0,2417g (không phải hai bốn một bảy gam) ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để nhằm mục đích sử dụng của bị cáo Trần Đức D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, thành phố H đã truy tố các bị cáo Lê Thị T và Trần Đức D theo Bản cáo trạng số 24/CT-VKSKV4 ngày 30/3/2026 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Lê Thị T và Trần Đức D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, làm phát sinh nhiều tệ nạn khác, việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là bị nghiêm cấm, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo T là người bán ma túy cho bị cáo D, còn bị cáo D là người tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025, bị cáo T đang nuôi 02 con nhỏ trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo đối với phụ nữ, trẻ em.

[5] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về xử lý vật chứng. Riêng đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu trắng, số EMEI1: 862794052592917, số EMEI2: 862794052592909, kèm sim số 0702712971 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Đức D1, Hội đồng xét xử nhận thấy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vì đó là điện thoại bị cáo dùng gọi điện thực hiện việc mua ma túy để sử dụng.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn N đã sử dụng xe của anh Nguyễn Viết R cho bị cáo D1 mượn xe nhưng không biết việc bị cáo đi mua ma túy nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của 02 bị cáo trước đó, cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành xử lý hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Trần Đức D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2025 đến ngày 24/12/2025.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức D 03(ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/12/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã hoàn lại đối tượng giám định và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định gồm: 01 (một) túi niêm phong kín bằng giấy và băng keo trong, bên ngoài có 02 chữ ký ghi họ tên của Giám định viên Lê Thị Thuyết A, 02 chữ ký ghi họ tên của Trần Khương T3, 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an thành phố H và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Đức D, Lê Thị T, bắt ngày 18/12/2025”.

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng vào việc phạm tội:

- + 01 (một) bình thủy tinh hình trụ tròn (kích thước cao 12 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng bình 1 cm), phía trên miệng bình có 01 (một) ống thông được gắn với phễu thủy tinh hình cầu lỗ rộng 0,5 cm; phía cạnh bình có một ống gắn với ống nhựa hình trụ tròn dài 14 cm.

- + 01 (một) ống hình trụ tròn cao 8 cm, phía bên có gắn 01 (một) ống thông dài 1,2 cm, đường kính đáy 2,5 cm đầu dẹt.

- + 03 (ba) phễu thủy tinh hình trụ tròn (chưa sử dụng) được đựng trong ba túi ni lông màu trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu trắng, số EMEI1: 862794052592917, số EMEI2: 862794052592909, kèm sim số 0702712971 (đã qua sử dụng).

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8, màu trắng, số EMEI: 356700083579487, kèm sim số 0787774129 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng của bị cáo Lê Thị T do mua bán trái phép chất ma túy mà có; Trả cho bị cáo Lê Thị T số tiền 690.000 đồng còn lại do không liên quan đến việc phạm tội. (Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng A1 chi nhánh P, Huế ngày 25/2/2026 vào tài khoản 34490912412700000 của Công an xã C-L mở tại Ngân hàng TMCP C2)

(Vật chứng trên có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị T và Trần Đức D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- CQCSĐT Công an TP Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Cơ sở giam giữ bị cáo;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

